

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 492/2025/DS-PT

Ngày: 21-8-2025

V/v: “*Tranh chấp mở lối đi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

2. Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “*tranh chấp mở lối đi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 516/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số F N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Kim D, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn H, ngày 02/6/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Y trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông Ngô Văn S là chủ sử dụng thửa đất số 232, loại đất trồng cây lâu năm (CLN), thuộc tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Sau đó, thửa đất này được tách thành hai thửa mới là thửa số 232, có diện tích 2.448,3m² và thửa số 1356, có diện tích 6.636,6m², cùng loại đất CLN, thuộc tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 29/7/2022, bà Y nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn S và vợ là bà Trần Thị H1 một phần thửa đất số 1356 (thửa mới số 1364) với diện tích 4.477,4m². Ngày 23/8/2022, bà Y được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà Y đã yêu cầu các hộ dân có đất liền kề cam kết về việc sử dụng lối đi chung. Sau quá trình thương lượng, các bên đã cùng ký vào “Giấy cam kết về việc làm đường nông thôn” ngày 24/11/2020, trong đó có ông Trần Văn H và đại diện chính quyền địa phương tham gia ký xác nhận việc mở lối đi và cải tạo đường nông thôn, để bà có lối đi từ thửa 1364 ra đường công cộng. Việc cải tạo đường, bao gồm san lấp, đóng kè và rải đá, do bà tự bỏ kinh phí thực hiện, bà đã ký hợp đồng thi công ngày 27/11/2020 để triển khai thực hiện.

Để ra được lối đi công cộng, bà phải đi qua các thửa đất số 1239 và 1356 của ông Trần Văn H. Ông H có rào xung quanh các thửa đất của ông, chừa phần lối đi đang tranh chấp cho bà. Tuy nhiên, về sau ông H làm cửa rào sắt chắn luôn phần lối đi, gây cản trở nghiêm trọng đến việc đi lại và sử dụng đất của bà, nhất là việc chăm sóc cây trồng (trong đó có cây cà na T). Bà cho rằng phần đất bà đã cải tạo từ ao, mương, bãi lầy, dừa nước thành đất CLN bị ông H rào chắn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất.

Bà đã gửi đơn yêu cầu giải quyết đến Ủy ban nhân dân xã M nhưng sự việc vẫn không được giải quyết dứt điểm. Hậu quả là cây trồng bị ảnh hưởng, gây thiệt hại cho bà.

Khi Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ, ông H thừa nhận ranh giới giữa thửa đất số 1364 của bà Y và thửa đất 1356 của ông H là hàng rào lưới B40 do bà Y dựng lên. Ông H cũng xác nhận thực tế bà Y không có hành vi lấn chiếm đất của ông. Các tranh chấp phát sinh giữa ông H và ông S liên quan đến giao dịch chuyển nhượng đất không liên quan đến bà Y; nếu ông H cho rằng có sai sót trong trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông có quyền khởi kiện theo trình tự pháp luật.

Do thửa đất số 1364 của bà Y không có lối đi nào khác ra đường công cộng, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lối đi, buộc ông Trần Văn H và vợ là bà Đặng Thị Kim D tháo dỡ rào chắn đang cản trở việc đi lại, đồng thời buộc ông H, bà D mở lối đi trên phần đất có ký hiệu khu B (diện tích 29,6m²), khu C (diện tích 14,7m²) thuộc một phần thửa đất số 1356 và khu E (diện tích 53,8m²) thuộc một phần thửa đất số 1239. Tất cả các khu đất này đều là đất CLN, cùng thuộc tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An. Yêu cầu này căn cứ theo Mạnh

trích đo bản đồ địa chính ngày 24/10/2024 của Công ty cổ phần D1, đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T phê duyệt ngày 30/10/2024.

Bà Y thống nhất với kết quả đo đạc nêu trên và Biên bản định giá tài sản ngày 05/7/2025 của Hội đồng định giá Nhà nước, xác định giá đất CLN là 120.000 đồng/m², không có yêu cầu đo đạc hoặc định giá lại.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án:

Ông là người nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 1356 từ ông Ngô Văn S vào khoảng năm 2017. Thửa đất này có hình dáng chữ L, với kích thước chiều ngang là 14,5m, chiều dài 87,7m và nở hậu chữ L có kích thước 20m x 56,5m tiếp giáp Kênh Bến X, đất ông Nguyễn Văn B. Sau khi hoàn tất thủ tục, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1356 vào ngày 20/7/2023 với diện tích là 2.159,2m².

Đối với thửa đất số 1239, ông đã nhận chuyển nhượng từ ông Phùng Văn B1. Tuy nhiên, do trong hồ sơ địa chính tên chủ sử dụng đất vẫn là ông Ngô Văn S (do chụp không ảnh theo quản lý của Nhà nước), nên ông B1, ông S và ông đã thỏa thuận để ông S thực hiện việc sang tên trực tiếp cho ông, không thực hiện điều chỉnh lại hồ sơ. Ông cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa số 1239 có 03 cạnh tiếp giáp thửa 1356 là không đúng.

Bà Trần Thị Y nhận chuyển nhượng đất từ ông Ngô Văn S sau thời điểm ông đã mua đất của ông S, nhưng bà Y lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ông. Khi cấp giấy cho bà Y, địa chính không thông báo để ông ra chỉ ranh vì cho rằng ông chưa đứng tên chủ sử dụng đất. Cán bộ địa chính xã M đã làm sai quy trình khi không tạm dừng thủ tục để điều chỉnh giấy cho ông trước mà lại cấp giấy cho bà Y, dẫn đến việc thửa 1364 của bà Y lấn sang đất của ông 4,5m chiều ngang.

Về hình thể thửa đất số 1356, ông xác định phần đất ông nhận chuyển nhượng có hình chữ L, cạnh đứng chữ L có chiều ngang 14,5m. Tuy nhiên, trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo thực tế đo đạc hiện nay, thửa đất lại có hình chữ U và chỉ còn chiều ngang 10m, điều này không đúng với hiện trạng lúc ông nhận chuyển nhượng đất. Phần đất này không có nhà cửa, mồ mả, nhưng khi được cấp giấy bao gồm cả phần đất có mồ mả và nhà của người khác là không đúng.

Về lối đi đang tranh chấp, trước đây có thỏa thuận bằng miệng với ông S sẽ để ông S đi qua phần đất của ông, nhưng hiện nay ông không đồng ý để bà Y sử dụng lối đi này. Dù ông có ký vào “Giấy cam kết về việc làm đường nông thôn” ngày 24/11/2020, song ông cho rằng bà Y không thực hiện đúng như cam kết, không đổ bê tông đường mà chỉ trải đá sơ sài, thiếu thiện chí. Do đó, hiện nay ông chỉ đồng ý cho bà Y sử dụng lối đi có chiều rộng 3m với điều kiện: khi nào ông hoàn tất thủ tục chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới mở lối đi; đồng thời bà Y phải chịu toàn bộ chi phí chỉnh lý, chi phí đi lại của ông trong thời gian qua. Trường hợp các điều kiện trên không được đáp ứng, ông khẳng

định sẽ không đồng ý mở lối đi cho bà Y, kể cả khi bà có tiến hành đổ bê tông đường đi.

Bà Đặng Thị Kim D là vợ ông Trần Văn H vắng mặt không cung cấp bản tự khai hay có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 271, 273, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc yêu cầu ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Kim D mở lối đi.

Buộc ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Kim D phải tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc và mở lối đi cho bà Trần Thị Y trên phần đất có ký hiệu khu B diện tích 29,6m² và khu C diện tích 14,7m² loại đất CLN, thuộc một phần thửa đất số 1356 và phần đất ký hiệu khu E diện tích 53,8m² thuộc một phần thửa đất 1239, loại đất CLN, cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/10/2024 do Công ty Cổ phần D1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 30/10/2024.

Lối đi có tứ cận:

Đông giáp: Đường nước công cộng;

Tây giáp: Thửa 1239 (mpt), 1356 (mpt);

Nam giáp: Thửa 1364 Trần Thị Yển

Bắc giáp: Rạch thoát nước.

Bà Trần Thị Y có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Kim D 11.772.000 đồng giá trị quyền sử dụng lối đi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/06/2025, bị đơn ông Trần Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Y không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông H không rút yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn H làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Đặng Thị Kim D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi” là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi kháng cáo của ông H.

[2.1] Tại thời điểm ông Ngô Văn S thực hiện thủ tục chuyển nhượng các thửa đất số 1239, 1356 cho ông H và thửa 1364 cho bà Y đã có đo thực tế và điều chỉnh diện tích phù hợp theo quy định pháp luật. Theo Công văn số 214/CNVPĐKĐĐ ngày 21/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T xác nhận: Vị trí, kích thước thửa đất số 1239 và 1356 thể hiện trên Mảnh trích đo địa chính ngày 24/10/2024 của Công ty D1 (đã được Chi nhánh duyệt ngày 30/10/2024) là phù hợp với dữ liệu đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H; tại thời điểm đo đạc giải quyết tranh chấp không có sự thay đổi về số thửa mới.

[2.2] Xét yêu cầu mở lối đi của bà Y, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Trần Văn H là người sử dụng hợp pháp thửa đất số 1239 và thửa đất số 1356, cùng loại đất trồng cây lâu năm (CLN), thuộc tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Y là người sử dụng thửa đất số 1364, loại đất CLN, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Bà Y yêu cầu ông H mở lối đi tại các khu đất B, C, E. Bà Y khẳng định rằng, ngoài phần đất ký hiệu khu B (diện tích 29,6m²) và khu C (diện tích 14,7m²), đều

thuộc một phần thửa đất số 1356; cùng với phần đất ký hiệu khu E (diện tích 53,8m²), thuộc một phần thửa đất số 1239 thì bà không còn lối đi nào khác ra đường công cộng.

[2.3] Căn cứ “Giấy cam kết về việc làm đường nông thôn” ngày 24/11/2020, thể hiện nội dung ông Trần Văn H thống nhất về việc mở lối đi cho bà Y. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Mảnh trích đo bản đồ địa chính ngày 24/10/2024 thể hiện thửa đất số 1364 của bà Y có tứ cận: phía Đông giáp đường nước công cộng; phía Tây giáp Rạch B Xe; phía Bắc giáp thửa đất số 1356 của ông H; phía Nam giáp đường nước công cộng. Tuy nhiên, các tuyến ranh giới nêu trên đều không đảm bảo điều kiện tiếp cận ổn định, hợp pháp với đường giao thông công cộng.

[2.4] Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2025, ông Ngô Văn S - nguyên là chủ sử dụng đất trước khi chuyển nhượng - xác định rằng lối đi qua phần đất đang tranh chấp đã được hình thành từ trước khi chuyển nhượng cho bà Y, và tại thời điểm hiện tại, ngoài phần đất đang tranh chấp, bà Y không có lối đi nào khác ra đường công cộng. Do đó, có cơ sở xác định thửa 1364 để ra được đường đi công cộng thì chỉ có 01 lối đi duy nhất là phải đi ngang qua một phần thửa 1356, 1239 của ông H. Căn cứ quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định: *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận; phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Tây Ninh).

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc yêu cầu ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Kim D mở lối đi.

1.1. Buộc ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Kim D phải tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc và mở lối đi cho bà Trần Thị Y trên phần đất có ký hiệu khu B diện tích 29,6m² và khu C diện tích 14,7m² loại đất CLN, thuộc một phần thửa đất số 1356 và phần đất ký hiệu khu E diện tích 53,8m² thuộc một phần thửa đất 1239, loại đất CLN, cùng tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/10/2024 do Công ty Cổ phần D1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 30/10/2024).

Lối đi có tứ cận:

Đông giáp: Đường nước công cộng;

Tây giáp: Thửa 1239 (mpt), 1356 (mpt);

Nam giáp: Thửa 1364 Trần Thị Yến

Bắc giáp: Rạch thoát nước.

1.2. Buộc bà Trần Thị Y có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Kim D 11.772.000 đồng, giá trị quyền sử dụng đất làm lối đi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về lệ phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng cộng là 18.564.000 đồng, bà Trần Thị Y tự nguyện chịu, bà Y đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng.

3.2. Bà Trần Thị Y không phải chịu án phí. H2 lại cho bà Trần Thị Y 300.000 tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0008432, ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu án phí là 300.000đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009715 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án khu vực 1, tỉnh Tây Ninh).

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Phúc – Huỳnh Hữu Nghĩa

Phùng Thị Cẩm Hồng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 1 tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Cẩm Hồng